Ký bởi: Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch
Cơ quan: Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Phụ lục

SỐ LIỆU CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 241/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo	Số liệu được xét duyệt	Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Cục Hợp tác quốc tế	Học viện Âm nhạc Huế	Trường quay Cổ Loa	Nhà hát Tuổi trẻ	Nhà hát Nhạc Vũ Kịch Việt Nam	Trường Đại học Mỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam	Liên đoàn Xiếc Việt Nam	Nhà hát Ca, Múa, Nhạc Việt Nam	Trường trung cấp Múa Thành phố Hồ Chí Minh	Trường Cán bộ quản lý Văn hoá Thể thao và Du lịch	Thanh tra Bộ	Trung tâm văn hóa Việt Nam tại Lào	Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Pháp	Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cục Di sản văn hoá
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	14	15	16	18	19	23	27	28	29	30	31
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**			**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
I	**Tổng số thu phí, lệ phí**	**17.998**	**17.998**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Lệ phí	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phí	17.998	17.998	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	6	0	0	0	0	0	0
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	**7.201**	**7.201**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Chi sự nghiệp**	**4.537**	**4.537**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.117	2.117	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.420	2.420	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	**Chi quản lý hành chính**	**2.664**	**2.664**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.664	2.664	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**6.339**	**6.339**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Lệ phí	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phí	6.339	6.339	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**2.575.550**	**2.575.550**	**13.830**	**21.597**	**16.294**	**9.200**	**14.491**	**19.095**	**21.898**	**21.028**	**22.300**	**44.037**	**11.781**	**13.283**	**11.603**	**3.769**	**10.886**	**121.734**	**20.099**
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.575.550	2.575.550	13.830	21.597	16.294	9.200	14.491	19.095	21.898	21.028	22.300	44.037	11.781	13.283	11.603	3.769	10.886	121.734	20.099
1	Chi quản lý hành chính	157.368	157.368	4.692	6.314	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7.482	0	0	51.046	7.491
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	143.755	143.755	4.692	5.630	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7.482	0	0	50.109	6.434
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	13.613	13.613	0	684	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	936	1.057
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	58.409	58.409	0	0	573	0	0	0	0	0	0	0	0	350	0	0	0	4.228	1.800
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	29.989	29.989	0	0	573	0	0	0	0	0	0	0	0	350	0	0	0	4.228	1.800
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	29.989	29.989	0	0	573	0	0	0	0	0	0	0	0	350	0	0	0	4.228	1.800
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	28.419	28.419	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	552.743	552.743	0	0	15.721	0	0	0	21.898	0	0	0	11.781	12.533	0	0	0	9.328	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.211	2.211	0	0	131	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	550.531	550.531	0	0	15.591	0	0	0	21.898	0	0	0	11.781	12.532	0	0	0	9.328	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	9.003	9.003	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.370	8.370	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	633	633	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	3.809	3.809	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	0	0	3.689	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.809	3.809	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	0	0	3.689	0
6	Chi hoạt động kinh tế	3.799	3.799	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	462	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	446	446	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.352	3.352	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	462	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.347	2.347	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	200	0	0	100	0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.347	2.347	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	200	0	0	100	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	861.527	861.527	9.138	15.283	0	9.200	14.491	19.095	0	21.028	22.300	44.037	0	0	3.871	3.769	10.886	52.882	10.808
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	41.141	41.141	509	671	0	0	0	0	0	0	192	0	0	0	0	0	0	2.405	0
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	820.386	820.386	8.629	14.612	0	9.200	14.491	19.095	0	21.028	22.108	44.037	0	0	3.871	3.769	10.886	50.477	10.808
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	926.546	926.546	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	62.893	62.893	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	863.653	863.653	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**562**	**562**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo	Số liệu được xét duyệt	Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Cục Hợp tác quốc tế	Học viện Âm nhạc Huế	Trường quay Cổ Loa	Nhà hát Tuổi trẻ	Nhà hát Nhạc Vũ Kịch Việt Nam	Trường Đại học Mỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam	Liên đoàn Xiếc Việt Nam	Nhà hát Ca, Múa, Nhạc Việt Nam	Trường trung cấp Múa Thành phố Hồ Chí Minh	Trường Cán bộ quản lý Văn hoá Thể thao và Du lịch	Thanh tra Bộ	Trung tâm văn hóa Việt Nam tại Lào	Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Pháp	Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cục Di sản văn hoá
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**	**18**	**19**	**23**	**27**	**28**	**29**	**30**	**31**
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	562	562	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8.1	Dự án Củng cố việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam	434	434	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8.2	Dự án Chung tay xây dựng tương lai hòa nhập	128	128	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	0	0	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Cục Văn hóa cơ sở	Cục Nghệ thuật biểu diễn	Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam	Trường Đại học Văn hoá Hà Nội	Bảo tàng Lịch sử quốc gia	Cục Bản quyền tác giả	Cục Điện ảnh	Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	Viện Phim Việt Nam	Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam	Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam	Bảo tàng Hồ Chí Minh	Khu di tích Chủ tịch HCM tại Phủ chủ tịch	Viện Bảo tồn di tích	Trung tâm Kỹ thuật Điện ảnh	Báo Văn hoá	Trung tâm chiếu phim Quốc gia	Thư viện Quốc gia Việt Nam	Nhà hát lớn Hà Nội
1	2	32	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
I	**Tổng số thu phí, lệ phí**	**0**	**0**	**8**	**15**	**2.801**	**3.174**	**2.370**	**708**	**0**	**0**	**0**	**3.756**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**771**	**0**
1	Lệ phí	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phí	0	0	8	15	2.801	3.174	2.370	708	0	0	0	3.756	0	0	0	0	0	0	771	0
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.683**	**1.092**	**1.572**	**720**	**0**	**0**	**0**	**1.440**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**694**	**0**
1	**Chi sự nghiệp**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.683**	**0**	**0**	**720**	**0**	**0**	**0**	**1.440**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**694**	**0**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	423	0	0	254	0	0	0	1.440	0	0	0	0	0	0	0	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	1.260	0	0	466	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	694	0
2	**Chi quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.092**	**1.572**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	1.092	1.572	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**0**	**0**	**0**	**0**	**281**	**952**	**237**	**71**	**0**	**0**	**0**	**376**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**77**	**0**
1	Lệ phí	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phí	0	0	0	0	281	952	237	71	0	0	0	376	0	0	0	0	0	0	77	0
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**25.610**	**28.253**	**39.722**	**38.577**	**30.939**	**14.428**	**123.688**	**14.254**	**24.851**	**47.634**	**20.136**	**17.913**	**24.680**	**16.681**	**12.699**	**4.058**	**11.786**	**0**	**27.446**	**4.622**
I	Nguồn ngân sách trong nước	25.610	28.253	39.722	38.577	30.939	14.428	123.688	14.254	24.851	47.634	20.136	17.913	24.680	16.681	12.699	4.058	11.786	0	27.446	4.622
1	Chi quản lý hành chính	8.110	5.832	0	0	0	4.920	5.442	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.928	5.832	0	0	0	4.920	5.442	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	182	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	284	2.194	175	187	492	585	13.501	200	0	160	350	350	9.668	0	0	0	260	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0	0	284	2.194	175	187	492	585	1.675	200	0	160	350	350	2.140	0	0	0	260	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	0	0	284	2.194	175	187	492	585	1.675	200	0	160	350	350	2.140	0	0	0	260	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0	0	0	0	0	0	0	11.826	0	0	0	0	0	7.529	0	0	0	0	0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	39.438	34.374	0	0	0	0	450	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	1.135	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	38.302	34.374	0	0	0	0	450	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150	0	0	0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	17.430	22.421	0	2.008	30.764	9.321	117.753	13.669	10.900	47.434	20.136	17.753	24.330	16.331	3.031	4.058	11.636	0	27.186	4.622
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	9.933	18.080	0	0	0	281	0	0	0
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17.430	22.421	0	2.008	30.763	9.321	117.753	13.669	10.900	47.434	20.136	7.820	6.250	16.331	3.031	4.058	11.356	0	27.186	4.622
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**128**	**0**	**0**	**434**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Cục Văn hóa cơ sở	Cục Nghệ thuật biểu diễn	Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam	Trường Đại học Văn hoá Hà Nội	Bảo tàng Lịch sử quốc gia	Cục Bản quyền tác giả	Cục Điện ảnh	Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	Viện Phim Việt Nam	Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam	Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam	Bảo tàng Hồ Chí Minh	Khu di tích Chủ tịch HCM tại Phủ chủ tịch	Viện Bảo tồn di tích	Trung tâm Kỹ thuật Điện ảnh	Báo Văn hoá	Trung tâm chiếu phim Quốc gia	Thư viện Quốc gia Việt Nam	Nhà hát lớn Hà Nội
1	**2**	**32**	**36**	**37**	**38**	**39**	**40**	**41**	**42**	**43**	**44**	**45**	**46**	**47**	**48**	**49**	**50**	**51**	**52**	**53**	**54**
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0	0	128	0	0	434	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8.1	Dự án Củng cố việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	434	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8.2	Dự án Chung tay xây dựng tương lai hòa nhập	0	0	0	0	0	128	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật	Nhà hát Nghệ thuật đương đại Việt Nam	Nhà hát Múa rối Việt Nam	Nhà hát Chèo Việt Nam	Trung tâm Hỗ trợ sáng tác văn học nghệ thuật	Nhà hát Cải lương Việt Nam	Nhà hát Tuồng Việt Nam	Nhà hát Kịch Việt Nam	Cục Du lịch quốc gia Việt Nam	Cục Thể dục thể thao	Trung tâm Công nghệ Thông tin	Trung tâm Điện ảnh Thể thao và Du lịch Việt Nam	Nhà hát Ca Múa Nhạc dân gian Việt Bắc	Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng
1	**2**	**55**	**56**	**57**	**58**	**59**	**60**	**61**	**62**	**63**	**69**	**71**	**73**	**75**	**76**	**77**
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
I	**Tổng số thu phí, lệ phí**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4.345**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Lệ phí	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phí	0	0	0	0	0	0	0	0	4.345	0	0	0	0	0	0
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Chi sự nghiệp**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	**Chi quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4.345**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Lệ phí	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phí	0	0	0	0	0	0	0	0	4.345	0	0	0	0	0	0
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**11.382**	**11.905**	**23.645**	**24.593**	**18.766**	**12.175**	**13.847**	**20.666**	**48.166**	**938.069**	**28.976**	**16.755**	**10.036**	**16.043**	**0**
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.382	11.905	23.645	24.593	18.766	12.175	13.847	20.666	48.166	938.069	28.976	16.755	10.036	16.043	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0	0	0	24.594	27.848	3.597	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	17.437	27.848	0	0	0	0	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	7.157	0	3.597	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	199	0	150	0	0	0	0	0	6.312	12.071	100	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	199	0	150	0	0	0	0	0	6.099	3.219	100	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	199	0	150	0	0	0	0	0	6.099	3.219	100	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0	0	0	0	0	0	0	212	8.852	0	0	0	0	0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0	0	0	0	0	0	779	500	0	0	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	779	500	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9.003	0	0	0	0	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8.370	0	0	0	0	0
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	633	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0	0	0	0	0	3.337	0	0	0	0	0	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	446	0	0	0	0	0	0
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	2.890	0	0	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	700	0	0	0	0	0	0	47	100	150	500	0	0	0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	700	0	0	0	0	0	0	47	100	150	500	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	11.183	11.205	23.495	24.593	18.766	12.175	13.847	20.666	13.877	3.960	24.629	16.255	10.036	16.043	0
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	256	0	29	0	0	0	8.783	0	0	0	0
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.183	11.205	23.495	24.593	18.510	12.175	13.818	20.666	13.877	3.960	15.846	16.255	10.036	16.043	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0	0	0	0	0	0	884.308	0	0	0	0	0
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	62.893	0	0	0	0	0
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	821.415	0	0	0	0	0
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật	Nhà hát Nghệ thuật đương đại Việt Nam	Nhà hát Múa rối Việt Nam	Nhà hát Chèo Việt Nam	Trung tâm Hỗ trợ sáng tác văn học nghệ thuật	Nhà hát Cải lương Việt Nam	Nhà hát Tuồng Việt Nam	Nhà hát Kịch Việt Nam	Cục Du lịch quốc gia Việt Nam	Cục Thể dục thể thao	Trung tâm Công nghệ Thông tin	Trung tâm Điện ảnh Thể thao và Du lịch Việt Nam	Nhà hát Ca Múa Nhạc dân gian Việt Bắc	Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng
1	**2**	**55**	**56**	**57**	**58**	**59**	**60**	**61**	**62**	**63**	**69**	**71**	**73**	**75**	**76**	**77**
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8.1	Dự án Củng cố việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8.2	Dự án Chung tay xây dựng tương lai hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0